

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HUỆ
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34 /2019/HNGĐ-ST

Ngày: 23 - 7 - 2019

V/v “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HUỆ TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vù.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tấn Rõn.
2. Ông Nguyễn Văn Phú.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Thành - Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ, tỉnh Long An.

Ngày 23 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 154/2019/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Bé S - Sinh năm 1972 - Địa chỉ: Ấp 5, xã Mỹ Thạnh B, huyện C, tỉnh Long An. (Có mặt)

- Bị đơn: Ông Võ Hoàng L - Sinh năm 1973 - Địa chỉ: ấp 5 xã Mỹ Thạnh B, huyện C, tỉnh Long An. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/6/2019, các văn bản tiếp theo và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Thị Bé S trình bày và yêu cầu:

Bà và ông Võ Hoàng L cưới nhau năm 1996, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban xã Mỹ Thạnh Bắc, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An ngày 06/11/2002. Trong quá trình chung sống vợ chồng không hạnh phúc do vợ bất đồng quan điểm nên thường xuyên cãi vã nhau và mất lòng tin với nhau. Hiện nay bà và ông L đã ly thân từ tháng 01 năm 2019 cho đến nay.

Về hôn nhân: Bà yêu cầu ly hôn với ông Võ Hoàng L.

- Về nuôi con chung: có 02 con chung tên Võ Duy Đăng, sinh ngày

20/01/1997 và Võ Trần Hải Yến, sinh ngày 25/12/2003, hiện con chung đang sống với bà bé S. Khi ly hôn con chung tên Võ Duy Đăng đã thành niên không yêu cầu Tòa án giải quyết; con chung tên Hải Yến tùy theo nguyện vọng của con chung, nếu con chung muốn sống với ai thì người đó nuôi, người còn lại không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về chia tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 09/7/2019, các văn bản tiếp theo và tại phiên tòa, bị đơn ông Võ Hoàng L trình bày và yêu cầu:

Ông thống nhất phần trình bày của bà Bé S về ngày tháng, năm điều kiện kết hôn, con chung, việc không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nguyên nhân mâu thuẫn thì ông L cho rằng ông và bà Bé S không có mâu thuẫn mà do bất đồng quan điểm nhỏ không đến mức phải ly hôn.

Về hôn nhân: Ông không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Trần Thị Bé S.

Về nuôi con chung: Ông thống nhất việc con chung tên Võ Duy Đăng, sinh ngày 20/01/1997 đã thành niên không yêu cầu Tòa án giải quyết; con chung tên Hải Yến tùy theo nguyện vọng của con chung, nếu con chung muốn sống với ai thì người đó nuôi, nếu con chung muốn sống với bà bé S ông tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000 đồng/tháng từ khi án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Tòa án đã tiến hành hòa giải cho các đương sự nhưng không thành.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Trần Thị Bé S khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Võ Hoàng L có hộ khẩu thường trú và hiện đang cư trú tại: ấp 5, xã Mỹ Thạnh Bắc, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An, Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Bà Trần Thị Bé S và ông Võ Hoàng L chung sống có đăng ký kết hôn ngày 06/11/2002 tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Thạnh Bắc (Đức Huệ - Long An). Quan hệ hôn nhân giữa bà Bé S và ông L là hôn nhân hợp pháp theo quy định của pháp luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của bà Bé S và yêu cầu đoàn tụ của ông L, Hội đồng xét xử nhận định: Bà Bé S và ông L đều không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho trình bày của ông bà là có căn cứ và hợp pháp. Tuy nhiên, xét lời trình bày của ông L thừa nhận ông và bà bé S mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã nhau bà bé S và ông L không sống ly thân (ông bà có 02 căn nhà ông ở căn nhà tại Mỹ Thạnh Bắc, bà bé S sống ở thị trấn Đông Thành) nhưng mạnh ai nấy sống không ai quan tâm đến ai, không quan tâm chăm sóc nhau.

Vì vậy, mâu thuẫn giữa bà S và ông L đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, việc bà S yêu cầu ly hôn với ông L là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về nuôi con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc con chung Võ Duy Đăng đã thành niên không yêu cầu Tòa án giải quyết; con chung tên Hải Yến do bà Bé Sáu trực tiếp nuôi (theo nguyện vọng của con chung) là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

[5] Xét việc bà Bé S không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con chung nhưng ông L tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung tên Hải Yến là tự nguyện, phù hợp quy định tại các Điều 82, 107, 110, 116 và 118 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên ghi nhận.

[6] Về chia tài sản chung và nợ chung: bà Bé S và ông L trình bày không có không yêu cầu giải quyết, nên Tòa án không xem xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết bằng một vụ án khác.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xét thấy: Bà Bé Sáu là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn, nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp. Bà S đã nộp đủ án phí..

[8] Ông Võ Hoàng L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí Dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, các Điều 51, 56, 81, 82, 107, 110, 116 và 118 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Bà Trần Thị Bé S được ly hôn với ông Võ Hoàng L.

2. Về nuôi con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc con chung Võ Duy Đăng đã thành niên không yêu cầu Tòa án giải quyết; con chung tên Võ Trần Hải Yến, sinh ngày 25/12/2003 do bà Bé S trực tiếp nuôi (theo nguyện vọng của con chung) hiện đang sống với bà Bé S. Ông Võ Hoàng L cấp dưỡng nuôi con chung tên Hải Yến 2.000.000 đồng/tháng từ khi án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Ông Võ Hoàng L được quyền thăm nom và chăm sóc con chung, khi cần thiết vì lợi ích con chung, bà Bé S và ông L có quyền yêu cầu thay đổi tình trạng nuôi con và khoản cấp dưỡng nuôi con theo qui định của pháp luật hôn nhân và gia đình.

3. Về chia tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu, Tòa án không đề cập giải quyết. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết bằng một vụ án khác.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị Bé S phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn, khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp (theo biên lai thu số 0004592 ngày 20/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Huệ). Bà Bé S đã nộp đủ án phí.

Ông Võ Hoàng L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí Dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con chung.

5. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (23/7/2019).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Huệ;
- CC. THADS huyện Đức Huệ;
- Các đương sự;
- UBND xã Mỹ Thạnh Bắc, huyện Đức Huệ (để ghi sổ hộ tịch)
- Lưu: hồ sơ vụ án, án văn.

Nguyễn Thị Vụ